

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2024

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yên Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Sơn Hoài Tâm

2/ Bà Nguyễn Thị Sứ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa phiên tòa: Ông Trần Minh Luân- Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai-tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đây– sinh năm 1982*

Địa chỉ: Ấp 22, xã P, thị xã G, tỉnh B

** Bị đơn: Ông Đặng Thành Đ1– sinh năm 1984*

Địa chỉ: Ấp 22, xã P, thị xã G, tỉnh B

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng không lý do)

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ của bà Phạm Thị Đtrình bày: Bà và ông Đặng Thành Đ1 chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống có 01 người con tên Đặng Thị Kim D, sinh ngày 27/01/2014, hiện cháu D đang sống với ông Đ1. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ1 ghen tuông, nhiều lần hành hung, đánh đập bà Đ nên bà về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2016, bà để con gái tên D lại cho ông Đ1 nuôi, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hiện nay bà Đ không muốn hàn gắn lại hạnh phúc vợ chồng, đã ly thân nhiều năm nên không còn tình cảm với ông Đ1.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Thị Duyên cầu Đ1 ly hôn với ông Đặng Thành Đ1
- Về quan hệ con chung: tự nguyện giao con cho ông Đ1 tiếp tục nuôi dưỡng và xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con.
- Về quan hệ tài sản và nợ chung: không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với ông Đặng Thành Đ1: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Đủ các văn bản tố tụng cho ông Đặng Thành Đ1 nhưng ông không đến tòa để thể hiện ý kiến của mình, không tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) có Đủ thành viên và thư ký phiên tòa, từ khi thụ lý đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt lần thứ hai nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai về nội D vụ án là áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 56, 81, 82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Đ đối với ông Đặng Thành Đ1; Giao 01 người con tên Đặng Thị Kim D sinh ngày 27/01/2014 cho ông Đ1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi cho bà Đ do bà Đ1 không yêu cầu, không đặt ra xem xét về tài sản và nợ do đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã Đ1 thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đặng Thành Đ1 vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông Đ1 theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Đ và ông Đặng Thành Đ1 chung sống với nhau năm 2013, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, vì vậy theo quy định của pháp luật thì hôn nhân của bà Đ và ông Đ1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông Đ1 có nhiều bất đồng về quan điểm sống, đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà Duyên cầu xin ly hôn với ông Đ1 vì không còn tình cảm. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải dựa trên sự thương yêu, tôn trọng, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình nhưng bà Đ xác định không còn yêu thương ông Đ1, vợ chồng ông bà không ai quan tâm, chăm sóc ai. Ông Đ1 không hợp

tác theo giấy triệu tập hoà giải của Toà án, Toà án không tiến hành hoà giải hôn nhân cho vợ chồng ông bà Đ1 là do ông Đ1 vắng mặt, ông Đ1 không có thiện chí hàn gắn. HĐXX xét thấy mối quan hệ hôn nhân của bà Đ và ông Đ1 thật sự rạn nứt, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt Đ1 nên HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Đ đối với ông Đặng Thành Đ1.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Đ và ông Đ1 có 01 người con tên Đặng Thị Kim D sinh ngày 27/01/2014, bà Đ tự nguyện giao con cho ông Đ1 tiếp tục nuôi, xin tạm miễn cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi thì xem xét về mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Trong hồ sơ, cháu Đặng Thị Kim D có thể hiện nguyện vọng là Đ1 sống chung với Đ1, theo lời khai của bà Đ thì bà đã để con lại cho ông Đ1 nuôi từ năm 2016 cho đến nay, bà tự nguyện giao cho ông Đ1 tiếp tục nuôi con, qua xác minh tại địa phương thì cháu D đang sống cùng bà ông Đ1 và ông bà nội của cháu. Ông Đặng Thành Đ1 không hợp tác theo sự triệu tập của toà, không cho toà án ghi lời khai, không thể hiện yêu cầu, ông Đặng Thành Đ1 đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến nguyện vọng của mình. Trường hợp sau này một bên không có khả năng nuôi con, mà một bên có khả năng về kinh tế để đảm bảo nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao người con tên Đặng Thị Kim D sinh ngày 27/01/2014 cho ông Đặng Thành Đ1 tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi cho bà Đ do ông Đ1 không yêu cầu. [4] Về quan hệ tài sản chung và nợ: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Đ đối với ông Đặng Thành Đ1.

2/ Về quan hệ con chung: Giao Đặng Thị Kim D sinh ngày 27/01/2014 cho ông Đặng Thành Đ1 tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi cho bà Đặng Thị Đ.

Ông Phạm Thị Đcó quyền tới lui thăm nom con chung mà không trực tiếp nuôi, không ai Đ1 ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền Đ1 nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không Đ1 cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Phạm Thị Đphải nộp 300.000đồng nhưng bà Đđã dự nộp 300.000đồng, tại biên lai thu số 0009151 ngày 01/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai Đ1 chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận Đ1 bản án hoặc Đ1 tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận. :

-Tòa án tỉnh
-VKS cùng cấp
-Thi hành án
-Đương sự

-UBND xã, phường nơi đương sự ĐKKH
-Lưu hồ sơ

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

LÊ YẾN NGỌC